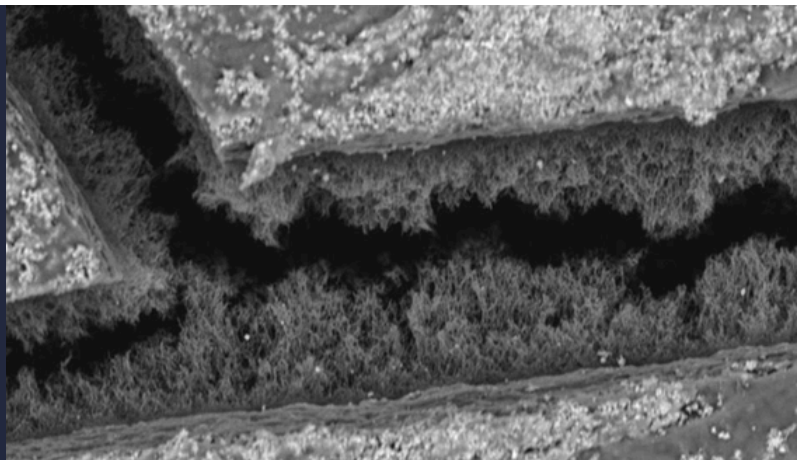


Genesol 80 is a liquid, alkaline membrane cleaner, for an extensive range of organic-based foulants found in membrane systems. The cleaning mechanism of Genesol 80 allows it to effectively penetrate and disrupt this composite layer of entwined organic materials attached to the membrane surface.



Features & Benefits

- Suitable for reverse osmosis (RO), nanofiltration (NF) and ultrafiltration (UF) membranes
- Effective against a wide range of organic-based foulants
- Helps maintain membrane surface clean
- Compatible with all polyamide membranes from all major manufacturers
- Non-hazardous
- NSF ANSI 60 certified for online and offline (CIP) applications

Typical Properties

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| • Appearance: | Colourless liquid |
| • pH (as supplied): | 12.0-13.0 |
| • Density (kg/liter): | 1.10-1.30 |

Packaging & Shelf Life

Keg: 25 kg (55 lb)

Drum: 250 kg (550 lb)

IBC: 1000 kg (2200 lb) / 1100 kg (2420 lb)

The shelf life of Genesol 80 is 2 years. Ensure packaging remains sealed and stored in a cool dry place out of direct sunlight.

Application

CIP (offline):

1. Inspect the clean-in-place (CIP) tank, hoses, and cartridge filters; flush or replace if necessary, fill with RO/DI water and start circulation.
2. Genesol 80 can be used offline as part of the standard membrane CIP procedure at a concentration of 2%. To prepare a 2% solution, add 1 L (1 gal) of Genesol 80 to 50 L (50 gal) of water.
3. The cleaning solution should be alternately soaked and recirculated through the membrane system for a total duration of 2–4 hours. Recommended flow rates are 8–10 m³/h (35–44 gpm) for 8" membranes and 2–4 m³/h (9–18 gpm) for 4" membranes. The maximum allowable operating pressure is 4 bar (58 psi).
4. After cleaning, the membrane system should be thoroughly flushed with permeate water until the pH/conductivity values of the feed and discharge are similar.
5. Genesol 80 is effective at low temperatures and does not require heating, whether used alone or in combination.
6. Genesol 80 can be mixed with other high-pH cleaner such as Genesol 704 at 1% each, for a comprehensive cleaning. To prepare a 1% solution, add 1 L (1 gal) of each product to 100 L (100 gal) of water.
7. Best results are achieved when used in a program followed by an acidic cleaner, such as Genesol 721.

Continuous online dosing:

Genesol 80 may be applied continuously online at a dosage of 10–40 mg/L, depending on the severity of biofouling.

Intermittent dosing:

Genesol 80 can also be dosed intermittently every 4–8 hours at 10–80 mg/L to inhibit biofilm formation and maintain a clean membrane surface.

State-of-the-art laboratories ensure the precision and quality of our products. Contact your sales representative for more information.



Genesol 80

Hóa Chất Tẩy Rửa Màng Dạng Lỏng Chuyên Xử Lý Cấu Cặn Hữu Cơ

Genesol 80 là hóa chất tẩy rửa màng dạng lỏng có tính kiềm cao, được nghiên cứu chuyên sâu nhằm xử lý triệt để nhiều loại chất gây tắc nghẽn (foulants) gốc hữu cơ trong các hệ thống màng lọc công nghiệp. Cơ chế làm sạch đặc thù của Genesol 80 cho phép thẩm thấu sâu và phá vỡ liên kết của lớp cặn composite gồm các hợp chất hữu cơ đan xen bám dính chặt trên bề mặt màng lọc.

TÍNH NĂNG & LỢI ÍCH VƯỢT TRỘI

- ✓ **Đa năng:** Phù hợp cho màng Thẩm thấu ngược (RO), màng Lọc nano (NF) và Siêu lọc (UF).
- ✓ **Hiệu lực mạnh:** Đánh bay phạm vi rộng các hợp chất hữu cơ và cặn bám sinh học.
- ✓ **Bảo toàn lưu lượng:** Duy trì bề mặt màng luôn sạch sẽ, ổn định áp suất thẩm thấu.
- ✓ **Tương thích cao:** An toàn hoàn toàn với mọi màng Polyamide từ các nhà sản xuất lớn.
- ✓ **An toàn vận hành:** Không độc hại / không nguy hại (Non-hazardous) cho người thao tác.
- ✓ **Chứng nhận NSF Quốc tế:** Đạt tiêu chuẩn NSF/ANSI/CAN 60 cho cả ứng dụng châm online trực tuyến và tẩy rửa CIP tuần hoàn offline.

ĐẶC TÍNH TIÊU BIỂU & ĐÓNG GÓI

Ngoại quan:	Chất lỏng không màu (Colourless liquid)
pH (nguyên chất):	12.0 – 13.0
Tỷ trọng / Density:	1.10 – 1.30 kg/lít
Chứng nhận an toàn:	NSF / ANSI / CAN 60

QUY CÁCH & HẠN SỬ DỤNG

Quy cách đóng gói đa dạng:

- Can/Thùng (Keg): **25 kg (55 lb)**
- Phuy (Drum): **250 kg (550 lb)**
- Bồn IBC: **1.000 kg (2.200 lb) / 1.100 kg (2.420 lb)**

Hạn sử dụng: 2 năm. Giữ bao bì luôn kín và bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

HƯỚNG DẪN ỨNG DỤNG & QUY TRÌNH TẨY RỬA MÀNG

1. QUY TRÌNH CIP TUẦN HOÀN (OFFLINE CIP)

- Kiểm tra hệ thống CIP:** Kiểm tra bồn hóa chất, đường ống và lõi lọc cartridge; súc rửa hoặc thay mới nếu cần, cấp nước RO/DI vào bồn và bắt đầu tuần hoàn.
- Pha nồng độ dung dịch (2%):** Sử dụng theo quy trình CIP tiêu chuẩn ở nồng độ 2%. Thêm **1 L (1 gal)** Genesol 80 vào **50 L (50 gal)** nước.
- Tuần hoàn & Ngâm luân phiên:** Luân phiên ngâm và tuần hoàn dung dịch trong **2 – 4 giờ**. Lưu lượng khuyến nghị: **8–10 m³/h** (màng 8") và **2–4 m³/h** (màng 4"). Áp suất tối đa: **4 bar (58 psi)**.
- Rửa sạch hệ thống:** Sau khi tẩy, súc rửa kỹ hệ thống bằng nước thành phẩm permeate cho đến khi giá trị pH và độ dẫn điện đầu vào - đầu ra tương đương nhau.
- Hiệu quả ở nhiệt độ thấp:** Genesol 80 hoạt động xuất sắc ngay ở nhiệt độ thường mà không bắt buộc gia nhiệt, dù sử dụng độc lập hay phối hợp.
- Phối hợp kiềm cao (Genesol 704):** Có thể pha cùng Genesol 704 ở tỷ lệ **1% mỗi loại** (1 L mỗi loại / 100 L nước) để gia tăng hiệu năng làm sạch tổng lực.
- Quy trình phối hợp tiếp nối:** Đạt kết quả tối ưu nhất khi nằm trong quy trình kết hợp tiếp nối với hóa chất tẩy cặn gốc axit như Genesol 721.

2. CHÂM LIÊN TỤC TRỰC TUYẾN (ONLINE DOSING)

Genesol 80 có thể được châm liên tục trực tiếp vào dòng cấp với liều lượng từ **10 – 40 MG/L** tùy thuộc vào mức độ bám bẩn sinh học (biofouling) của hệ thống.

3. CHÂM GIÁN ĐOẠN (INTERMITTENT DOSING)

Có thể châm ngắt quãng định kỳ mỗi **4 – 8 GIỜ**

với liều lượng

10 – 80 MG/L

nhằm ức chế tối đa sự hình thành màng sinh học và bảo vệ bề mặt màng.

Cam kết chất lượng: Hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại của chúng tôi đảm bảo độ chính xác và chất lượng tiêu chuẩn quốc tế cho từng lô sản